

Bản án số: 244/2019/ HS-PT

Ngày: 09/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Thẩm phán: 1/ Ông Đặng An Thanh

2/ Ông Tô Chánh Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên cao cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 09/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 736/2018/TLPT-HS ngày 17/12/2018.

Do bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo, đối với bị cáo:

Trần Tô Minh C (tên gọi khác: B T), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Tô Thị Ngọc T; bị cáo có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 16/10/2014; đến ngày 22/10/2014, được Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ quyết định tạm giữ; ngày 18/3/2015, bị bắt tạm giam; hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tô Minh C:

Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa, thuộc Đoàn Luật sư Tp.HCM (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (cha bị hại) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (mẹ bị hại); cùng cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai; ông N ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 05-11-2018, bà L có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị cáo Trần Tô Minh C

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Trần Tô Minh C có 02 con gồm Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày 13/4/2007 và Trần Nhựt Đăng K, sinh ngày 24/02/2012 (con riêng của C); C chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Phương D tại nhà mẹ ruột của C ở ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 21 giờ ngày 15/10/2014, C chở cháu K cùng với D và anh Hồ Văn X, đến nhà anh Lê Kim C ở cùng ấp, để nhậu cùng với Nguyễn Minh N, Đoàn Lê Thanh T, chị Trần Thị Mộng T, Trần Văn H, T và T (chưa rõ lai lịch).

Nhậu được một lúc, thì anh Lê Kim C, N, H, T và Mộng T về phòng ngủ của nhà anh Lê Kim C ngủ; còn Trần Tô Minh C, D, X, T và T tiếp tục nhậu. Do hết môi nhậu, Minh C và T mua gà mang về nhờ chị Mộng T và anh T làm dùm. Sau khi làm xong gà, anh T vào ngủ, chị Mộng T ngồi với Minh C và D nhậu tiếp, X nằm ngủ gần chỗ nhậu, còn T và T đi về.

Lúc này, D kêu Minh C về nghỉ thì Minh C nói uống hết chỗ rượu còn lại rồi về, nên giữa D và Minh C xảy ra mâu thuẫn. Minh C cầm tô đựng đồ ăn, đập lên đầu D, D đứng dậy xô xát với Minh C nhưng bị Minh C đè lên người; thấy vậy, chị Mộng T chạy vào gọi anh T ra can ngăn và kéo Minh C ra ngoài; D tiếp tục chửi Minh C, nên Minh C đi xuống bếp lấy 02 con dao gồm 01 con dao Thái Lan bản lớn không có cán dao, giấu vào trong người và 01 con dao Thái Lan cán màu vàng cầm trên tay phải, lưỡi dao quay vào trong cánh tay; Minh C đi ra đứng trước hiên nhà, thách thức đánh nhau với D; D lao vào đánh Minh C thì bị Minh C cầm dao đâm vào người nhưng được anh T đứng gần đó chụp tay Minh C lại, Minh C tiếp tục dùng dao đâm cái thứ hai trúng vào ngực trái của D làm D gục xuống.

Sau khi đâm D, Minh C cầm dao đuổi theo đâm anh T; anh T cầm 01 cái bàn gỗ đưa lên đỡ làm gãy phần lưỡi dao và ném cái bàn vào Minh C bỏ chạy. Sau đó, D được mọi người đưa đi Trạm xá xã N cấp cứu nhưng đã tử vong. Đến 05 giờ 45 phút ngày 16/10/2014, Minh C đến đầu thú tại Công an xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/10/2014 tại ấp M, xã N, huyện P, xác định như sau:

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại hiên nhà số 151, Lộ 768, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Nhà số 151 có kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mặt tiền hướng Nam, có chiều rộng nhất 2,7m x 7,3m, chỗ hẹp nhất 1,2m x 7,3m, nền lát gạch bông. Hiện trường đã được lau chùi, dọn dẹp và không ghi nhận dấu vết gì.

Vị trí nạn nhân nằm trước khi đưa đi cấp cứu cách đầu hiên hướng Tây về hướng Đông là 3,7m.

Tại Kết luận giám định số: 447/PC54-KLGDPY ngày 20/10/2014 của Giám định viên thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận về tình trạng thương tích và nguyên nhân tử vong của Nguyễn Phương D như sau:

a. Khám ngoài:

Vết rách vải áo hình thẳng dài 6cm x 1,3cm cách 8cm dưới đường chỉ cổ áo bên trái, cách 7,5cm bờ ngoài khung áo bên trái.

Đầu, mặt: Hai mắt mở nhỏ; miệng hở; tai-mũi-miệng khô; răng không bị gãy. Nhiều vết xây sát da nhỏ trên diện 7,5cm x 2cm vùng má, môi trên bên phải.

Ngực, bụng: Vết rách da hình bầu dục 6cm x 2,5cm cách 7,5 cm trên vú trái, cách 9cm dưới đầu trong xương đòn trái. Trục vết trùng với trục cơ thể mép vết gọn; đầu tù phía trên, đầu nhọn phía dưới, hướng rãnh thương từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, từ trước ra sau, xuyên thủng vào lồng ngực.

b. Khám trong:

Ngực, bụng:

Rách khe liên sườn 2-3 dài 6cm x 2,5cm bên trái, cách 6cm đường giữa xương ức; đứt sụn sườn số 3 bên trái.

Trong khoang lồng ngực phải khô, khoang lồng ngực trái chứa đầy máu.

Phổi phải xung huyết, xuất huyết; phổi trái xẹp. Vết rách thùy phổi 3,8cm x 0,8cm cách 7cm bờ trước thùy trên phổi trái xuyên mặt sau 1,2cm.

Thủng 2,5cm bao màng tim thành bên trái, trong bao màng tim có nhiều máu loãng lẫn máu cục. Thủng gốc tĩnh mạch phổi 1cm thành bên trái xuyên thủng 0,8cm thành bên phải.

Gan, lách, thận xung huyết.

Kết luận giám định: Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu do vết thương vùng ngực trái thủng thùy phổi, thủng gốc tĩnh mạch phổi. Hung khí: Vật sắc nhọn (một loại).

Vật chứng của vụ án bị tạm giữ:

01 con dao cán vàng đã bị gãy một phần lưỡi, phần còn lại kích thước dài 1,3cm; rộng 1,8cm.

01 con dao không có cán còn phần lưỡi kích thước dài 28,3cm; rộng 6,5cm.

Bồi thường thiệt hại về dân sự: Tại Biên bản làm việc ngày 16/10/2018, bà Nguyễn Thị L là đại diện hợp pháp của bị hại, yêu cầu Trần Tô Minh C bồi thường chi phí mai táng tổng cộng 53.700.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu bất kỳ khoản nào khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2016/HS-PT ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Tô Minh C phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ Luật hình sự, xử phạt Trần Tô Minh C 14 năm tù, thời hạn tính từ ngày 18/3/2015 được trừ thời gian tạm giam từ 16/10/2014 đến 22/10/2014.

Bị cáo làm đơn kháng cáo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 342/2017/HS-PT ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HS-PT ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Tô Minh C (tên gọi khác: B T) phạm tội “Giết người”.

1/ Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 93; khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Tô Minh C (tên gọi khác: B T) 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2015; được trừ vào thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 16-10-2014 đến ngày 22-10-2014.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 con dao cán vàng đã bị gãy một phần lưỡi, phần còn lại kích thước dài 1,3cm; rộng 1,8cm; 01 con dao không có cán còn phần lưỡi kích thước dài 28,3cm; rộng 6,5cm.

Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 6 năm 2018, phiếu nhập NK180054.

3/ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng khoản 5, Điều 275, Điều 584 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Tô Minh C phải bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại gồm ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L, với số tiền 53.700.000 đồng (năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về án phí HSST: Bị cáo Trần Tô Minh C chịu số tiền 200.000 đồng.

5/ Về án phí DSST: Bị cáo Trần Tô Minh C chịu số tiền 2.685.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 13/11/2018 bị cáo Trần Tô Minh C có đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo không phạm tội giết người, xin xét lại tội trạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Tô Minh C xin được xét lại tội trạng, bị cáo bị oan.

Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa bào chữa bảo vệ cho bị cáo cho rằng việc bị cáo vào nhà lấy dao là chỉ để nhằm tự bảo vệ mình chứ không có ý tấn công bị hại, xin HĐXX xét lại tội danh, xét hoàn cảnh nhân thân của bị cáo và xét lại vụ việc có phần lỗi của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây chết người, sau khi điều tra bổ sung thì thấy lời khai của các người làm chứng, các tang vật thu thập được, thể hiện chính bị cáo là người gây ra cái chết cho nạn nhân, nay bị cáo kêu oan là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, với phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Tô Minh C làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Tất cả chứng cứ, lời khai của bị cáo Trần Tô Minh C tính đến ngày nhận kết luận điều tra lần thứ nhất vào ngày 30/3/2015 là phù hợp với nhau.

Tuy nhiên, sau đó, bị cáo C không thừa nhận lời khai của mình do cơ quan điều tra thập trước đó là do mình tự khai, bị cáo cho rằng lời khai của mình là do điều tra viên tự ghi, không đúng như diễn biến sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cho bị cáo xem một số biên bản lấy lời khai (nhận tội), ở phần cuối biên bản, bị cáo có tự ghi là bản thân đã được đọc lại biên bản và công nhận biên bản ghi đúng, về vấn đề này.

[2.2] Sau khi nhận hồ sơ để điều tra bổ sung, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, dựng lại hiện trường, giám định cơ chế hình thành vết thương, giám định vật gây thương tích, thu thập thêm lời khai người làm chứng như Hồ Văn X, Lê Kim C, Trần Thị Mộng T và Đoàn Lê Thanh T. Về cơ bản, những người làm chứng khai thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo C. Bị cáo C cho rằng những người làm chứng này khai không đúng sự thật vì có ác cảm với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận là Hồ Văn X và Nguyễn Minh N là có quen biết với bị cáo, bị cáo cũng thừa nhận không có mâu thuẫn với anh X và N, giữa bị cáo với chị T, anh T và anh Lê Kim C là những người lần đầu tiên gặp nhau không có mâu thuẫn với họ.

Nên có cơ sở xác định các lời khai của những người làm chứng là khách quan, phù hợp với vật chứng và hiện trường nơi xảy ra vụ việc.

[2.3] Diễn biến khách quan của vụ án theo hồ sơ thể hiện như sau:

Khi anh Nguyễn Phương D nói bị cáo C không uống rượu nữa để đi về nhưng bị cáo không đồng ý, còn gây gỗ, cãi nhau với anh D, dùng đĩa đựng thịt gà đánh vào đầu anh D, đè lên người anh D để đánh và được anh T chạy ra can ngăn. Bị cáo C thừa nhận, vào thời điểm mọi người cùng nhậu và sau đó, chỉ có bị cáo và anh D cãi nhau, không có ai khác mâu thuẫn gì.

Bị cáo thừa nhận xuống bếp lấy hai con dao gồm một con dao Thái Lan bản lớn không có cán và một con dao Thái Lan loại nhỏ cán nhựa màu vàng, con dao Thái lan nhỏ bị cáo cầm kẹp vào tay phải, dọc theo cánh tay, lưỡi dao quay xuống đi ra hiên nhà thách thức đánh nhau với D.

Lúc này có anh T ở gần đó chứng kiến sự việc. Diễn biến từ lúc bị cáo xuống bếp lấy dao và đuổi đánh anh T đến nay bị cáo vẫn thừa nhận như lời khai ban đầu nhưng bị cáo không thừa nhận đâm anh D.

Bị cáo C khai giữa anh D và anh X có mâu thuẫn với nhau, anh X cũng thừa nhận việc này, nhưng qua lời khai người làm chứng trực tiếp là anh T và chị Mộng T đều cho thấy lúc anh D và bị cáo C cãi nhau thì anh X đang nằm ngủ với con của bị cáo là cháu Trần Nhật Đăng K ở hiên nhà.

Cho đến khi bị cáo C nghe chị Mộng T nói mình đâm chồng, thì bị cáo chạy lên lay anh D và khóc. Sau đó anh X mới thức dậy, nên Tòa án cấp sơ thẩm loại trừ khả năng phạm tội của anh X là có cơ sở.

Bị cáo C cho rằng tay phải của mình bị đau, nên không có khả năng cầm dao để đâm. Kết quả xác minh tại Bệnh viện Thánh Tâm vào ngày 23/5/2014 thì C bị đứt tay, thương tích nhẹ, bác sỹ cho C về tự điều trị.

Diễn biến tiếp theo của vụ án, thể hiện bị cáo dùng tay phải đâm con dao Thái lan nhỏ xuống bàn, làm gãy lưỡi dao đã được bị cáo thừa nhận và có anh T và chị Mộng T nhìn thấy rõ. Do đó, việc bị cáo C nói bị thương ở tay phải nên không thể dùng dao đâm anh D, lời nài này là không phù hợp và mâu thuẫn với thực tế diễn ra như trên.

Qua khám nghiệm trên cơ thể nạn nhân, xác định thương tích gây ra tử vong có hướng rãnh thương từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, từ trước ra sau xuyên vào khoang lồng ngực, gây thủng thùy phổi và thủng gốc tĩnh mạch phổi, dẫn đến tử vong. Việc bị cáo C khai giấu con dao vào trong ống tay áo, kẹp sát chiều dọc của cẳng tay phải trong lúc chống đỡ là không thể xảy ra thương tích trên dẫn tới tử vong. Kết luận này phù hợp với tư thế bị cáo cầm dao đâm anh D do anh T mô tả, lời khai này là thống nhất từ trước đến nay.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội giết người và mức án 14 năm tù là phù hợp, có căn cứ đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm, sau khi đã điều tra bổ sung bị cáo cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới ngoài những lời khai mâu thuẫn nêu trên, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT theo luật định.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Tô Minh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Tô Minh C (tên gọi khác: B T) phạm tội “Giết người”.

1/ Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 93; khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Tô Minh C (tên gọi khác: Bé Tư) 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2015; được trừ vào thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 16-10-2014 đến ngày 22-10-2014.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 con dao cán vàng đã bị gãy một phần lưỡi, phần còn lại kích thước dài 1,3cm; rộng 1,8cm; 01 con dao không có cán còn phần lưỡi kích thước dài 28,3cm; rộng 6,5cm.

Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 6 năm 2018, phiếu nhập NK180054.

3/ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng khoản 5, Điều 275, Điều 584 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Tô Minh C phải bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại gồm ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L, với số tiền 53.700.000 đồng (năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về án phí HSST: Bị cáo Trần Tô Minh C chịu số tiền 200.000 đồng.

5/ Về án phí DSST: Bị cáo Trần Tô Minh C chịu số tiền 2.685.000 đồng. 6/ Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Tô Minh C chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

7/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

8/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung Đặng An Thanh

Lê Hoàng Tấn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện KSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo đề thi hành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN